

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
2. Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh các loại hình xổ số.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/ 01/ 2017 kết thúc vào ngày 31/ 12/ 2017).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:
  - Thực hiện theo công văn số 17653/BTC-CKKT ngày 27/11/2015 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục áp dụng chế độ kế toán đặc thù riêng theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài chính, cho tới khi Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán mới áp dụng cho các Công ty Xổ số kiến thiết.
  - Ngoài những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư 168/2009/TT-BTC, Công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (thay thế quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006), có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư 168/2009/TT-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn hoặc thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.
2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: ghi theo giá gốc.
  - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:
    - + Tồn kho nguyên liệu giấy: Phương pháp nhập trước, xuất trước. Được kiểm kê định kỳ theo từng quý và không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

( Báo cáo tồn kho nguyên liệu giấy kèm theo )
3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:
  - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: ghi theo nguyên giá. Trong bảng CĐKT được phản ánh theo 3 chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.
  - Phương pháp khấu hao TSCĐ : theo phương pháp đường thẳng.

( Báo cáo trích khấu hao TSCĐ kèm theo )

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính: Ghi nhận theo hướng dẫn thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư dài hạn khác: ghi theo giá gốc và không trích dự phòng tổn thất tài sản các khoản đầu tư.

- Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

+ Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

+ Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Phân loại theo từng khoản nợ và chi tiết theo từng đối tượng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả và các khoản dự phòng: Việc sử dụng và trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng hàng quý và quyết toán khi kết thúc năm tài chính Công ty thực hiện theo thông tư 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính, về chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Vốn điều lệ: Được Nhà nước giao vốn, được bổ sung từ các quỹ, được trích từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo sổ vốn Ngân sách Nhà nước giao.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Theo thông tư 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính, về chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” là:

- Doanh số phát hành và doanh số ế vé số: theo thông tư 168/2009/TT-BTC.

- Doanh thu vé số đã xác định tiêu thụ tuân thủ đủ 5 điều kiện.

- Doanh thu từ tiền lãi và lợi nhuận được chia : ghi nhận trên số phải thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Hàng quý ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

#### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán:

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>V.01 – Tiền</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
- Tiền mặt	713.910.573	102.622.013
- Tiền gửi ngân hàng	70.883.655.937	98.520.070.440
<b>Cộng</b>	<b>71.597.566.510</b>	<b>98.622.692.453</b>
<b>V.02–Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
- Sổ tiết kiệm ngắn hạn	728.998.325.000	345.000.000.000
- Tiền gửi ngắn hạn	190.000.000.000	664.870.527.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>918.998.325.000</b>	<b>1.009.870.527.500</b>



<b>V.03–Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
- Phải thu lãi đầu tư từ vốn nhân rồi cty	43.434.027.502	34.092.442.502
- Phải thu Cty CP XD TM và DV Ngọc Hầu	9.030.150.000	9.030.150.000
- Phải Thu UBND huyện Thoại Sơn	40.000.000	40.000.000
- Tạm ứng chi phí nghỉ mát CNV và khác	96.011.000	
- Chênh lệch hoán đổi xe ô tô theo quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND tỉnh An Giang.		652.188.567
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.600.188.502</b>	<b>43.814.781.069</b>

*(Báo cáo chi tiết nợ phải thu khác, báo cáo dự thu lãi kèm theo)*

<b>V.04 – Hàng tồn kho</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.144.951.625	2.278.790.700
- Vé xổ số truyền thống		1.262.685.475
- Hàng hóa quảng cáo	357.122.145	147.999.230
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.502.073.770</b>	<b>3.689.475.405</b>

<b>V.13– Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu kỳ</b>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu Cty XNK Nông sản thực phẩm AG (Afiex)	3.018.750	30.706.725.000	3.018.750	30.706.725.000
- Cổ phần Cty CP Phát Tài	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng		5.000.000.000		234.000.000.000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>36.206.725.000</b>		<b>265.206.725.000</b>

<b>V.18 – Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
- Các khoản đóng góp xã hội	220.140.000	217.840.000
- Đảm bảo dự thầu hàng quảng cáo	91.700.000	
- Đảm bảo thực hiện hợp đồng hàng quảng cáo	60.000.000	125.000.000
- Tài trợ đối ứng nhà cho phụ nữ nghèo giữa các Cty xổ số		350.000.000
- Thu hộ tiền ký quỹ mua kỳ phiếu đại lý		206.340.935
- Phải chi trả thưởng khách hàng	24.000.000	24.000.000
- BHXH ông Long (đã nghỉ việc) và khác	2.097.600	
<b>Tổng cộng</b>	<b>397.937.600</b>	<b>923.180.935</b>

V.22 – Vốn chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>699.551.747.504</b>	<b>1.000.000.000.000</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Vốn điều lệ	500.000.000.000	1.000.000.000.000
----------------	-----------------	-------------------

*\*Vốn điều lệ giảm 500.000.000.000 đồng, theo quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 29/05/2017 của UBND tỉnh An Giang và công văn số 92/UBND-KTTH ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh An Giang, về việc thực hiện kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính về công tác quản lý ngân sách trên địa bàn tỉnh An Giang.*

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	199.551.747.504	
--------------------------------------	-----------------	--

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Quý II	Lũy kế 6 tháng
<b>1. Tổng doanh thu vé số:</b>	<b>907.664.680.000</b>	<b>1.865.346.580.000</b>
<b>2. Doanh thu thuần vé số:</b>	<b>717.521.486.185</b>	<b>1.474.582.276.724</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính:</b>	<b>16.677.172.987</b>	<b>33.101.377.569</b>
<b>4. Thu nhập khác:</b>	<b>1.315.897.795</b>	<b>1.654.579.738</b>
Trong đó:		
+ Thu tiền bán giấy vận :	133.485.001	224.216.728
+ Thu tiền từ dịch vụ cung cấp KQXS :	642.909.091	761.090.909
+ Thu từ HĐ hủy vé hộ các nơi :	34.181.817	156.354.544
+ Thanh lý tài sản, hóa giá CCDC	250.000.000	253.563.182
+Thu hồi học bổng XSKT	254.160.000	254.160.000
+ Thu khác:	1.161.886	5.194.375
<b>5. Tổng chi phí</b>	<b>612.043.826.172</b>	<b>1.258.913.313.942</b>
<b>_ Chi phí trả thưởng:</b>	<b>404.296.050.000</b>	<b>883.137.000.000</b>
<b>_ Chi phí trực tiếp phát hành xổ số:</b>	<b>191.759.748.127</b>	<b>344.403.328.417</b>
+ Chi phí hoa hồng đại lý (*)	136.572.674.200	279.798.600.000
+ Chi phí ủy quyền trả thưởng	422.972.200	874.459.600
+ Chi phí phục vụ xổ số	186.122.461	382.398.188
+ Chi phí quay số mở thưởng, giám sát khác	124.950.000	276.148.437
+ Chi phí phòng chống số đề		104.950.000
+ Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	49.536.290.000	49.536.290.000
+ Chi phí công in và giấy	5.103.347.830	12.902.209.464
+ Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	236.363.636	528.272.728
<b>_ Chi phí tài chính</b>	<b>118.904.110</b>	<b>118.904.110</b>
+ Chi phí lãi vay phải trả	118.904.110	118.904.110
<b>_ Chi phí bán hàng:</b>	<b>9.980.681.578</b>	<b>19.212.618.230</b>
+ Chi phí tuyên truyền quảng cáo	303381578	3.231.957.551

+ Tài trợ học bổng	4.162.300.000	4.162.300.000
+ Tài trợ nhà ĐĐK cho hộ nghèo	5.515.000.000	11.805.000.000
+ Tài trợ y tế		13.360.679
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b>5.802.112.357</b>	<b>11.954.778.640</b>
+ Chi phí tiền lương CNV	3.913.815.000	7.540.500.000
Trong đó:		
<i>Lương CB CNV</i>	3.282.750.000	6.249.000.000
<i>Lương Chủ tịch, Ban Giám đốc</i>	493.475.000	1.010.000.000
<i>Lương kiểm soát viên chuyên trách</i>	114.575.000	234.500.000
<i>Thù lao kiểm soát viên kiêm nhiệm</i>	23.015.000	47.000.000
+ Chi phí BHXH	297.716.886	606.902.580
+ Chi phí BHYT	49.619.481	101.150.430
+ Chi phí BHTN	16.539.827	33.716.810
+ Kinh phí công đoàn	33.079.600	67.433.600
+ Chi phí phụ cấp, trách nhiệm đoàn thể	1.146.000	2.292.000
+ Chi phí VPP, đồ dùng văn phòng	24.905.639	71.166.256
+ Chi phí công cụ dụng cụ	19.253.636	26.751.818
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	263.161.452	510.457.155
+ Chi phí thuế, phí và lệ phí	108.019.520	111.019.520
+ Chi phí điện nước	51.447.290	119.208.362
+ Chi phí sửa chữa	24.512.608	137.979.707
+ Chi phí điện thoại, điện báo	45.988.883	67.296.916
+ Chi phí mua bảo hiểm	492.000	8.587.400
+ Chi phí hội nghị, tiếp khách	177.381.894	1.118.023.116
+ Chi phí xăng dầu công tác	75.087.462	154.016.518
+ Chi phí thanh toán công lệnh công tác	101.540.000	199.190.000
+ Chi phí công tác khác	21.918.000	63.655.182
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.443.213	12.664.031
+ Chi phí có tính chất phúc lợi	107.730.000	169.493.409
+ Chi phí bằng tiền khác	467.806.236	833.273.830
<b>Chi phí khác:</b>	<b>86.330.000</b>	<b>86.684.545</b>

**Ghi chú:**

(\*) Trong tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2017: **1.865.346.580.000** đ có phần vé xuất quảng cáo: 22.580.000đ không tính hoa hồng 15%. Vì vậy chi phí hoa hồng đại lý 6 tháng đầu năm 2017 là:

$$(1.865.346.580.000 - 22.580.000) \times 15\% = 279.798.600.000 \text{ đ}$$

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. 6 tháng đầu năm 2017, tỷ lệ trả thưởng thực tế so với doanh thu tiêu thụ là 47,34%, thấp hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch (50%) là 2,66%. Công ty tạm trích dự phòng rủi ro trả thưởng số tiền 49.536.290.000 đồng.

2. Công ty thực hiện xử lý chênh lệch hoán đổi xe ô tô, số tiền 652.188.567 đồng từ lợi nhuận sau thuế TNDN, theo công văn số 2878/VPUBND-KTTH ngày 04/07/2017 của UBND tỉnh An Giang.

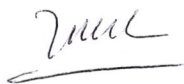
Ngày 12 tháng 7 năm 2017

LẬP BẢNG



Lê Thành Trí

PHÓ PHÒNG TV - KẾ TOÁN



Lưu Thị Huỳnh Phượng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lý Thanh Đan